

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 191/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2023.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Nguyễn Chí Lin.

- Bà: Lê Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 20/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 604/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2023, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn C, sinh năm 1990;

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, Long An.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 22/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn C trình bày:

Ông và bà T chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn cùng năm tại UBND thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

ông C cho rằng do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông C yêu cầu được ly hôn với bà Trúc

Về nuôi con chung: ông C khai ông và bà T có 02 con chung là cháu Phạm Lê Thảo N, sinh năm 2015 và Phạm Lê Thảo N1, sinh năm 2017. Hiện con chung đang sống với bà T. Khi ly hôn, ông C đồng ý giao con chung cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: ông C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bà T trình bày: Bà thống nhất với ý kiến và lời trình bày của ông C về thời gian điều kiện kết hôn, con chung, tài sản là đúng còn nguyên nhân mâu thuẫn gia đình thì không đúng. Bà T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, ông C xin ly hôn vì ông C có quan hệ với người phụ nữ khác nên bà không đồng ý ly hôn. Bà T xin hàn gắn, đoàn tụ. Trường hợp, Tòa án có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của ông C thì bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.500.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông không thừa nhận có quan hệ với người phụ nữ khác như lời trình bày của bà T, vẫn cương quyết xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án,*

Ông Phạm Văn C xin ly hôn với bà Lê Thị Thanh T. Theo xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì bà T hiện có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đ, Long An. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về pháp luật áp dụng: Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1] *Quan hệ hôn nhân,*

Ông Phạm Văn C và bà Lê Thị Thanh T chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn cùng năm là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Trước tòa, ông C xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết xin ly hôn với bà T. Bà T không đồng ý ly hôn và tha thiết xin đoàn tụ.

Xét thấy, theo như lời trình bày của ông C thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng đã tìm nhiều giải pháp nhưng cũng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T không đồng ý ly hôn nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay cũng như tại phiên tòa bà T cũng không đưa ra giải pháp gì để hàn gắn, đoàn tụ.

Từ những phân tích trên, thấy rằng cuộc sống vợ chồng giữa ông C và bà T không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông C xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Khi ly hôn, ông C đồng ý giao con chung là các cháu Phạm Lê Thảo N, sinh năm 2015 và Phạm Lê Thảo N1, sinh năm 2017 cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T thì cho rằng nếu Tòa án có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C thì bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, các cháu N hiện đã đủ 07 tuổi, tại bản tự khai cháu N có nguyện vọng sống với bà T khi cha, mẹ ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu N và cháu N1 cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp phù hợp với nguyện vọng của cháu, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[2.3] *Về cấp dưỡng*:

Bà T yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng và được ông C đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự thống nhất khai không có.

[3]. *Về án phí*: Ông Phạm Văn C phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 63, 146, 222, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2022; các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 375

của Bộ luật dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn C

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Văn C được ly hôn với bà Lê Thị Thanh T.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Phạm Lê Thảo N, sinh năm 2015 và Phạm Lê Thảo N1, sinh năm 2017.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Phạm Thanh C1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

4. Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

Ông Phạm Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 3723 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành. Ông Phạm Văn C còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm tuyên án công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND thị trấn Hậu Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Thức

